

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/DS-ST

Ngày: 22/11/2019

*“V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự - vay tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Tinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**.

2. Ông **Trần Văn Bé Hai**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Lợi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 533/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019, về việc: *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự - vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257a/2019/QĐXXST-DS ngày 29/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2019/QĐST-DS ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Thị Quốc P**, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hưng Hòa, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Huỳnh T, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 17, ấp Bình Hòa, xã MH, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Lâm Thị Đ**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp Bình Hòa, xã MH, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn V, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp Bình Hòa, xã MH, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà T có mặt; bị đơn bà Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/6/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Lê Thị Huỳnh T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 22/8/2017, bà Lâm Thị Đ có vay của bà P số tiền 65.000.000đ; thỏa thuận lãi suất 2%/tháng; thời hạn vay là 6 tháng sẽ trả vốn và lãi; mục đích vay là chăn nuôi gia đình. Bà Đ có viết biên nhận nợ, tự ký tên và bà Đ tự lấn tay thay chồng bà là ông V vào biên nhận, việc này bà P biết và cũng không có ý kiến gì, bởi việc giao dịch vay tiền do một mình bà Đ thực hiện.

Đến ngày 10/01/2018, bà Đ có trả lãi cho bà P được 900.000đ. Sau đó, bà Đ tiếp tục trả lãi cho bà P thêm 1.300.000đ rồi ngưng cho đến nay. Ngoài ra, bà Đ không có trả bất cứ khoản tiền lãi nào khác cho bà P. Tổng số tiền lãi mà bà P đã nhận là 2.200.000đ. Bà P đồng ý trừ số tiền lãi đã nhận của bà Đ. Khi đến hạn trả nợ bà P có yêu cầu bà Đ trả vốn và lãi nhưng vợ chồng bà Đ cứ hẹn nhiều lần cho đến nay.

Theo đơn khởi kiện, bà Lê Thị Quốc P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Thị Đ và ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền vay vốn là 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi trong hạn từ ngày 22/8/2017 đến ngày 22/02/2018 là 4.387.500đ ($06 \text{ tháng} \times 1,125\% \times 65.000.000\text{đ} = 4.387.500\text{đ}$), tính lãi quá hạn từ ngày 23/02/2018 đến ngày 23/6/2019 là 17.264.000đ ($16 \text{ tháng} \times 1,66\% \times 65.000.000\text{đ} = 17.264.000\text{đ}$). Tổng cộng vốn và lãi là 86.651.000đ.

Tại phiên tòa, bà T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Bà T yêu cầu bà Lâm Thị Đ trả cho bà P số tiền vay vốn là 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng); yêu cầu tính lãi trong hạn từ ngày 22/8/2017 đến ngày 22/02/2018, theo lãi suất 1,125%/tháng số tiền là 4.387.500đ ($06 \text{ tháng} \times 1,125\% \times 65.000.000\text{đ} = 4.387.500\text{đ}$), đồng ý trừ 2.200.000đ tiền lãi, số tiền lãi còn lại 2.187.500đ và yêu cầu trả tiền lãi quá hạn từ ngày 23/02/2018 đến ngày 22/11/2019, theo lãi suất 1,66%/tháng, số tiền là 22.659.000đ ($21 \text{ tháng} \times 1,66\% \times 65.000.000\text{đ} = 22.659.000\text{đ}$). Tổng cộng vốn và lãi là 89.846.500đ (tám mươi chín triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Bà P không yêu cầu ông Nguyễn Văn V liên đới trả nợ cùng với bà Lâm Thị Đ.

Đồng thời, bà T yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là 23/11/2019 đến khi trả hết nợ, với mức lãi suất tính theo lãi suất quy định pháp luật.

** Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt và không tiến hành hòa giải được cùng ngày 08/10/2019, bị đơn Lâm Thị Đ trình bày:*

Bà với ông V là vợ chồng hợp pháp, hiện còn sống chung gia đình với nhau. Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của đại diện nguyên đơn.

Bà thừa nhận có vay và còn nợ nguyên đơn số tiền vay vốn 65.000.000đ. Việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất và thời hạn như phía nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, về mục đích vay tiền là để trả nợ tiền hụi

cho người khác, chứ không phải chăn nuôi như phía nguyên đơn trình bày và biên nhận thể hiện. Việc vay tiền này ông V chồng bà cũng không biết. Chữ viết trong biên nhận là do bà tự viết. Bà có trả lãi cho bà Lê Thị Huỳnh T nhận thay 1.300.000đ (không nhớ ngày tháng năm), lần 2 bà T nhận thêm 900.000đ; trả trực tiếp cho bà P 1.000.000đ (không nhớ ngày tháng năm nào). Việc trả lãi không có biên nhận và cũng không có gì chứng minh.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền vay gốc 65.000.000đ và đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật. Bà đề nghị trừ số tiền lãi là 3.200.000đ đã đóng cho bà P. Không đồng ý liên đới với ông Nguyễn Văn V trả nợ cho bà P, vì việc vay tiền này ông V không biết.

Bà và ông V đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Bà cũng thống nhất không đưa bà T vào tham gia tố tụng. Việc không đưa bà T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn V đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông V không có văn bản ý kiến gì trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay.*

** Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án: 01 (một) CMND và hộ khẩu của nguyên đơn (bản photo); 01 biên nhận ngày 22/8/2017 (bản chính). Nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì và không có yêu cầu gì thêm.*

** Tài liệu, chứng cứ phía bị đơn cung cấp: Không có.*

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự đã thống nhất: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất có sự việc vay tiền với số tiền vay vốn là 65.000.000đ và thống nhất thời hạn vay, lãi suất vay.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay và yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự - vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (gọi chung là Bộ luật Dân sự).

- Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự - vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, địa chỉ của bị đơn là tại ấp Bình Hòa, xã MH, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay giữa các đương sự là hợp đồng vay có kỳ hạn, thời hạn trả nợ là ngày 22/02/2018. Do đó, ngày nguyên đơn khởi kiện 02/7/2019 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với việc bị đơn bà Lâm Thị Đ có trả tiền lãi cho bà P, do bà Lê Thị Huỳnh T nhận thay và bà T cũng đã giao tiền lại cho bà P xong nên các đương sự thống nhất đề nghị không đưa bà T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó Hội đồng xét xử nhận định, việc không đưa bà T vào tham gia tố tụng cũng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác nên đề nghị của các đương sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

- Xét tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Lâm Thị Đ trả cho bà P số tiền vay vốn là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng); yêu cầu tính lãi trong hạn từ ngày 22/8/2017 đến ngày 22/02/2018, lãi suất 1,125%/tháng, số tiền là 4.387.500đ, trừ 2.200.000đ tiền lãi đã trả, số tiền lãi còn lại 2.187.500đ và tiền lãi quá hạn từ ngày 23/02/2018 đến ngày 22/11/2019, theo lãi suất 1,66%, số tiền là 22.659.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 89.846.500đ (tám mươi chín triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Không yêu cầu ông Nguyễn Văn V cùng liên đới trả nợ cùng với bà Lâm Thị Đ. Xét thấy, theo biên nhận ngày 22/8/2017, có nội dung “Bà Lâm Thị Đ và ông Nguyễn Văn V có vay tiền của bà P 65.000.000đ, lãi suất 2%, mục đích chăn nuôi chung gia đình và hẹn đến ngày 22/02/2018 sẽ hoàn trả đủ”, tuy nhiên các đương sự thống nhất thừa nhận việc giao dịch vay tiền do bà Đ thực hiện; ông V không có ký tên vào biên nhận, dấu vân tay trong biên nhận cũng không phải của ông V mà là của bà Đ (bà Đ tự lặn tay thay cho ông V); ngoài ra, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không vượt phạm vi khởi kiện ban đầu và không vượt phạm vi ủy quyền của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi trên và xác định việc giao dịch vay tiền trên do bà Đ thực hiện, không liên quan đến ông V.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Xuất phát từ việc vay tiền theo biên nhận trên, giao dịch này được phía bị đơn bà Lâm Thị Đ thừa nhận điều này được thể hiện tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc đương sự đã được triệu tập họp lệ

lần thứ nhất mà vắng mặt và không tiến hành hòa giải được cùng ngày 08/10/2019, bà Đ thừa nhận có vay và còn nợ số tiền vay vốn 65.000.000đ, nên xem đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và có giá trị là chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định, việc bà Đ có vay tiền và còn nợ bà P số tiền vốn 65.000.000đ là có thật.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Bà P yêu cầu tính lãi trong hạn từ ngày 22/8/2017 đến ngày 22/02/2018, theo lãi suất 1,125%/tháng, số tiền là 4.387.500đ, trừ 2.200.000đ tiền lãi đã trả, số tiền lãi còn lại 2.187.500đ và tiền lãi quá hạn từ ngày 23/02/2018 đến ngày 22/11/2019, theo lãi suất 1,66%/tháng, số tiền là 22.659.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn là bà Đ thừa nhận việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng và thời hạn vay là 06 tháng theo biên nhận ngày 22/8/2017 nên xác định việc vay tiền là có lãi, phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong hạn là 1,125%/tháng là có cơ sở. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đ có trả cho bà P số tiền lãi là 2.200.000đ, việc này được bà T là đại diện của nguyên đơn thừa nhận có nhận và phía nguyên đơn đồng ý trừ số tiền lãi này vào số tiền lãi trong hạn, đây cũng được xem là chứng cứ không cần chứng minh. Như vậy, số tiền lãi trong hạn được tính là từ ngày 22/8/2017 đến ngày 22/02/2018 là 4.387.500đ ($06 \text{ tháng} \times 1,125\% \times 65.000.000\text{đ} = 4.387.500\text{đ}$), trừ 2.200.000đ tiền lãi, số tiền lãi còn lại 2.187.500đ.

Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ vốn vay (đến ngày 22/02/2018) thì bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ và thời hạn vi phạm được xác định từ ngày 23/02/2018 đến nay. Do đó phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn là bà Đ phải trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 23/02/2018 đến ngày xét xử là ngày 22/11/2019 theo lãi suất 1,66%/tháng là có cơ sở. Như vậy, số tiền lãi quá hạn được tính là từ ngày 23/02/2018 đến ngày 22/11/2019 là 22.659.000đ ($65.000.000\text{đ} \times 1,66\% \times 21 \text{ tháng} = 22.659.000\text{đ}$).

Hội đồng xét xử nhận định, việc yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn của nguyên đơn theo hướng có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Xét yêu cầu tiếp tục tính lãi của nguyên đơn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là ngày 23/11/2019, với mức lãi suất theo quy định pháp luật đến khi thi hành án xong các khoản tiền. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu tính lãi này là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận định toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Quốc P là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Đối với số tiền lãi 1.000.000đ mà bà Đ cho rằng đã trả cho bà P thì việc này phía nguyên đơn (người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà T) không thừa nhận và bà Đ cũng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Đối với hành vi của bà Đ giả mạo chữ ký và lấn tay ông V, bà P biết và không yêu cầu xử lý gì nên không xem xét.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 429, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 39, 92, 95, 147, 173, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Quốc P.

Buộc bà Lâm Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Quốc P số tiền vốn vay 65.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.187.500 đồng và tiền lãi quá hạn là 22.659.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 89.846.500 đồng (tám mươi chín triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Lâm Thị Đ phải chịu 4.492.000 đồng (bốn triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Quốc P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Quốc P 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số: BH/2018/0003234 ngày 29/8/2019 do bà Lê Thị Huỳnh T nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- THADS huyện Cao Lãnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Văn Tinh